



Số: 44/QĐ-AOSC

**LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ
SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG**

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận năng lực phòng thử nghiệm

**GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC
ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG**

Căn cứ Nghị định 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số A-1245 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 19 tháng 3 năm 2018;

Căn cứ Quy định công nhận của Văn phòng Công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn chất lượng - AOSC;

Xét đề nghị của Phòng Công nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận: **TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM THANH HÓA, SỞ Y TẾ TỈNH THANH HÓA** có năng lực thử nghiệm đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 đối với các thử nghiệm trong phụ lục kèm theo.

Điều 2. Phòng thử nghiệm được mang mã số: **VLAT-1.0926**.

Điều 3. Phòng thử nghiệm được công nhận ở Điều 1 được phép sử dụng dấu công nhận và phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về công nhận năng lực thử nghiệm theo quy định hiện hành của AOSC trong thời gian chứng chỉ có hiệu lực.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 13 tháng 02 năm 2023 đến ngày 12 tháng 02 năm 2028 và phòng thử nghiệm phải chịu sự giám sát định kỳ không quá 12 tháng một lần.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Lưu AD.

GIÁM ĐỐC



PGS.TS NGUYỄN THỊ KHÁNH TRÂM



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ
SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTING

(Ban hành kèm theo quyết định số: 44/QĐ-AOSC ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Văn phòng công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn chất lượng)
Issue together with Decision no.: 44/QĐ-AOSC date 13 Feb 2023 of Accreditation Office for Standards Conformity Assessment Capacity)

1. Tên phòng thử nghiệm/ Testing Lab name: **TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM THANH HÓA/ THANH HÓA QUALITY CONTROL CENTER**
2. Cơ quan chủ quản/ Agency: **SỞ Y TẾ TỈNH THANH HÓA/ THANH HOA HEALTH DEPARTMENT**
3. Lĩnh vực thử nghiệm/ Field: **Thử nghiệm Hóa/ Chemical Testing, Thử nghiệm Sinh học/ Biology Testing, Thử nghiệm Dược/ Pharmaceutical Testing**
4. Người phụ trách/ Head of Lab: **TRỊNH LÊ ANH - Phó giám đốc**
5. Người có thẩm quyền ký/ Lab's authorized personnel:

STT/ No	Họ và tên/ Full name	Chức vụ/ Position	Phạm vi được ký/ Scope
1	Lê Anh Dũng	Phó Giám đốc Trung tâm	Thử nghiệm Hóa/ Chemical Testing Thử nghiệm Sinh học/ Biology Testing Thử nghiệm Dược/ Pharmaceutical Testing
2	Trịnh Lê Anh	Phó Giám đốc Trung tâm	Thử nghiệm Hóa/ Chemical Testing Thử nghiệm Sinh học/ Biology Testing Thử nghiệm Dược/ Pharmaceutical Testing
3	Nguyễn Trọng Thuỷ	Giám đốc Trung tâm	Thử nghiệm Hóa/ Chemical Testing Thử nghiệm Sinh học/ Biology Testing Thử nghiệm Dược/ Pharmaceutical Testing

6. Mã số phòng thử nghiệm/ Accreditation Testing code: **VLAT-1.0926**

7. Thông tin phòng thử nghiệm/ Lab information

TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM THANH HÓA/ THANH HÓA QUALITY CONTROL CENTER



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ
SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Địa chỉ: 575 Quang Trung 2, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa/
575 Quang Trung 2 Street, Dong Ve Ward, Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province

Điện thoại: 02373954873

Email: Kh-tc.kn@gmail.com

NP
NHÀ
GIÁ
TIÊU
HẤT
/7

8. Các phép thử được công nhận/ Accredited Parameters:

Lĩnh vực: Thử nghiệm Hóa/ Chemical Testing

STT No.	Tên phép thử Name of test	Nền mẫu Matrix	Phạm vi đo Measure range	Phương pháp thử Methods
1	Xác định hàm lượng Pb bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử (Lò graphit)	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe	LOD = 0,17 µg/g	TTKN/MP/SOP/19.17
2	Xác định hàm lượng Cadimi bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử (lò graphite)	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe	LOD = 0,016 µg/g	TTKN/MP/SOP/19.18
3	Xác định hàm lượng Chi bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử (lò graphit)	Mỹ phẩm	LOD = 0,17 µg/g	TTKN/MP/SOP/19.17
4	Xác định hàm lượng Natri clorid trong nước mắm bằng phương pháp chuẩn độ	Nước mắm Fish sauce	LOD=1,168 g/L	TCVN 3701:2009
5	Phương pháp xác định hàm lượng nước bằng phương pháp sấy	Mắm, mắm tôm	LOQ=0,20 %	TCVN 3700:1990
6	Xác định hàm lượng acid trong nước mắm bằng phương pháp trung hòa	Nước mắm	LOQ=0,60 g/L (quy ra acid Acetic)	TCVN 3702:2009
7	Phương pháp xác định hàm lượng Nitơ tổng số và protein thô bằng phương pháp Kjeldahl	Nước mắm, mắm tôm.	Nước mắm LOQ= 2,94 g/L Mắm tôm LOQ = 0,588%	TCVN 3705:1990
8	Phương pháp xác định hàm lượng Nitơ amoniac phương pháp trung cất và chuẩn độ	Nước mắm, mắm tôm.	Nước mắm: LOQ = 0,28g/L Mắm tôm: LOQ = 0,023 %	TCVN 3706:1990
9	Xác định hàm lượng các nguyên tố kim loại nặng: Cu; Pb bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS; kỹ thuật lò Graphite	Nước RO cho lọc thận nhân tạo và các điều trị liên quan	Cu: LOD=1,0 µg/L Pb: LOD=1,5 µg/L	TTKN/MP/SOP/19.62
10	Xác định hàm lượng các nguyên tố kim loại nặng: Ca; Mg; Zn bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS; kỹ thuật ngọn lửa	Nước RO cho lọc thận nhân tạo và các điều trị liên quan	Ca: LOD = 0,05 mg/L Mg: LOD = 0,006 mg/L Zn: LOD = 0,01 mg/L	TTKN/MP/SOP/19.63
11	Xác định giới hạn hàm lượng Ion SO_4^{2-}	Nước RO cho lọc thận nhân tạo và các điều trị liên quan	LOD=100 mg/L	TTKN/KNT/SOP/19.65



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ
SỰ PHÙ HỢP VỚI TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

STT No.	Tên phép thử Name of test	Nền mẫu Matrix	Phạm vi đo Measure range	Phương pháp thử Methods
12	Xác định hàm lượng Ion F ⁻	Nước RO cho lọc thận nhân tạo và các điều trị liên quan	LOD=0,045 mg/L	TTKN/KNT/SOP/1 9.66
13	Xác định hàm lượng Clo tổng	Nước RO cho lọc thận nhân tạo và các điều trị liên quan	LOD=0,035 mg/L	TTKN/KNT/SOP/1 9.67

Lĩnh vực: Thử nghiệm Sinh học/ Biology Testing

STT No.	Tên phép thử Name of test	Nền mẫu Matrix	Phạm vi đo Measure range	Phương pháp thử Methods
1	Định lượng tổng số vi khuẩn hiếu khí bằng phương pháp đếm khuẩn lạc	Thực phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe	LOD=1 CFU/mL; 10 CFU/g	TCVN 4884 - 1 : 2015
2	Định lượng Coliform Phương pháp đếm khuẩn lạc	Thực phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe	LOD=1 CFU/mL; 10 CFU/g	TCVN 6848 : 2007
3	Định lượng Staphylococci có phản ứng dương tính coagulase (S. aureus và các loài khác). Phương pháp đếm khuẩn lạc	Thực phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe	LOD=1 CFU/mL; 10 CFU/g	TCVN 4830-1 : 2005
4	Định lượng E.coli dương tính β -glucuronidaza. Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44°C	Thực phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe	LOD=1 CFU/mL; 10 CFU/g	TCVN 7924-2 : 2008
5	Định lượng nấm men, nấm mốc bằng phương pháp đếm khuẩn lạc	Thực phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe	LOD=1 CFU/mL; 10 CFU/g	TCVN 8275-1,2:2010
6	Thử giới hạn nhiễm khuẩn (tổng số vi khuẩn hiếu khí, nấm mốc, nấm men) và phân lập vi khuẩn gây bệnh bằng phương pháp nuôi cấy, đếm khuẩn lạc	Thuốc thành phẩm	-	ĐCVN V tập 2 phụ lục 13.6, ĐĐ nước ngoài và TCCS của các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký có phương pháp tương đương với ĐCVN

STT No.	Tên phép thử Name of test	Nền mẫu Matrix	Phạm vi đo Measure range	Phương pháp thử Methods
7	Thử độ vô khuẩn theo Dược điển Việt Nam V bằng phương pháp màng lọc hoặc nuôi cấy trực tiếp	Thuốc thành phẩm	-	Dược điển VN V tập 2, phụ lục 13.7, Dược điển nước ngoài và TCCS của các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký có phương pháp tương đương với ĐĐVN
8	Thử nội độc tố vi khuẩn bằng phương pháp gel	Thuốc thành phẩm	-	ĐĐVN V tập 2 - phụ lục: 13.2 - phương pháp tạo gel; Dược điển nước ngoài và TCCS của các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký có phương pháp tương đương với ĐĐVN
9	Xác định hoạt lực thuốc kháng sinh bằng phương pháp vi sinh vật (Phương pháp khuếch tán)	Thuốc thành phẩm	-	ĐĐVN V tập 2, PL 13.9; Dược điển nước ngoài và TCCS của các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký có phương pháp tương đương với ĐĐVN
10	Thử nội độc tố vi khuẩn bằng phương pháp gel	Nước RO cho lọc thận nhân tạo, dịch bù lọc thận nhân tạo.	-	ĐĐVN V tập 2 - phụ lục: 13.2 - phương pháp tạo gel, Dược điển nước ngoài và TCCS của các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký có phương pháp tương đương với ĐĐVN
11	Thử giới hạn nhiễm khuẩn (tổng số vi khuẩn hiếu khí) phương pháp đếm khuẩn lạc.	Nước RO cho lọc thận nhân tạo, dịch bù lọc thận nhân tạo.	-	TTKN/SOP/19.48

Lĩnh vực: Thử nghiệm Dược/ Pharmaceutical Testing

STT No.	Tên phép thử Name of test	Nền mẫu Matrix	Phạm vi đo Measure range	Phương pháp thử Methods
1	Định tính bằng phương pháp HPLC	Thuốc thành phẩm	-	ĐĐVN V; PL 5.3; tập 2; USP appendix 621; BP appendix III D; và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐĐVN V
2	Định lượng bằng phương pháp HPLC	Thuốc thành phẩm	-	ĐĐVN V; PL 5.3; tập 2; USP appendix 621; BP appendix III D; và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐĐVN V.
3	Xác định tạp chất bằng phương pháp HPLC	Thuốc thành phẩm	-	ĐĐVN V; PL 5.3; tập 2; USP appendix 621; BP appendix III D; và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐĐVN V
4	Định tính bằng phương pháp sắc ký lớp mỏng	Thuốc thành phẩm	-	ĐĐVN V; PL 5.4; tập 2, và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐĐVN V
5	Xác định giới hạn tạp chất liên quan bằng phương pháp sắc ký lớp mỏng	Thuốc thành phẩm	-	ĐĐVN V; PL 5.4; tập 2, và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐĐVN V
6	Định tính bằng phương pháp UV-VIS	Thuốc thành phẩm	-	ĐĐVN V; PL 4.1; tập 2, USP Appendix 197U; BP Appendix IIB; và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐĐVN V
7	Định lượng hoạt chất bằng phương pháp UV-VIS	Thuốc thành phẩm Medicines finished products	-	ĐĐVN V; PL 4.1; tập 2, USP Appendix 197U; BP Appendix IIB; và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐĐVN V
8	Xác định tạp chất liên quan bằng phương pháp UV-VIS	Thuốc thành phẩm	-	ĐĐVN V; PL 4.1; tập 2, USP Appendix 197U; BP Appendix IIB; và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐĐVN V

STT No.	Tên phép thử Name of test	Nền mẫu Matrix	Phạm vi đo Measure range	Phương pháp thử Methods
9	Xác định độ ẩm bằng phương pháp sấy, cất dung môi hữu cơ	Thuốc thành phẩm Medicines finished products	-	ĐENVN V; PL 9.6, PL12.13; tập 2, và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐENVN V
10	Xác định hàm lượng nước bằng phương pháp Karl - Fisher	Thuốc thành phẩm	-	ĐENVN V; PL 10.3; tập 2, và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐENVN V
11	Xác định tỷ trọng, khối lượng riêng bằng phương pháp Picnomet	Thuốc thành phẩm	-	ĐENVN V; PL 6.5; tập 2, và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐENVN V
12	Xác định nhiệt độ nóng chảy, khoảng nóng chảy của hoạt chất bằng phương pháp mao quản.	Thuốc thành phẩm	-	ĐENVN V; PL 6.7; tập 2, và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐENVN V
13	Định tính các hoạt chất bằng phương pháp hóa học	Thuốc thành phẩm	-	ĐENVN V; PL 8.1; tập 2, và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐENVN V
14	Định lượng bằng phương pháp chuẩn độ thể tích (Complexon; môi trường khan; trung hòa; chuẩn độ iod; đo bạc; oxy hóa khử)	Thuốc thành phẩm	-	ĐENVN V; PL 10.5; PL 10.6; PL tập 2, và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐENVN V
15	Định lượng Nitrogen toàn phần bằng phương pháp Kendahl	Thuốc thành phẩm	-	ĐENVN V; PL 10.9; tập 2, và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐENVN V
16	Xác định chỉ số pH của dung dịch thuốc bằng phương pháp điện cực	Thuốc thành phẩm	-	ĐENVN V; PL 6.2; tập 2, và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐENVN V
17	Xác định góc quay cực, góc quay cực riêng, định lượng bằng phương pháp đo góc quay cực	Thuốc thành phẩm	-	ĐENVN V; PL 6.4; tập 2, và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐENVN V

STT No.	Tên phép thử Name of test	Nền mẫu Matrix	Phạm vi đo Measure range	Phương pháp thử Methods
18	Xác định hàm lượng ethanol	Thuốc thành phẩm	-	ĐĐVN V; PL 10.12; tập 2, và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐĐVN V
19	Xác định thời gian tan rã của thuốc viên nén, viên nang bằng thiết bị thử độ tan rã theo ĐĐVN	Thuốc thành phẩm	-	ĐĐVN V; PL 11.6; PL11.7; tập 2, và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐĐVN V
20	Xác định độ hòa tan của thuốc viên nén, viên nang, bằng thiết bị thử độ hòa tan của thuốc theo được điển	Thuốc thành phẩm	-	ĐĐVN V; PL 11.4; tập 2, USP Appendix 711; BP Appendix XII B1; và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐĐVN V
21	Xác định độ đồng đều khối lượng của thuốc bằng phương pháp cân	Thuốc thành phẩm Medicines finished products	-	ĐĐVN V; PL 11.3; tập 2, và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐĐVN V
22	Xác định độ đồng đều hàm lượng của thuốc	Thuốc thành phẩm	-	ĐĐVN V; PL 11.2; tập 2, và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐĐVN V
23	Xác định tro sulfat	Thuốc thành phẩm	-	ĐĐVN V; PL 9.9; tập 2, và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐĐVN V
24	Xác định độ đồng đều thể tích của thuốc tiêm	Thuốc thành phẩm Medicines finished products	-	ĐĐVN V; PL 11.1; tập 2, và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐĐVN V
25	Cảm quan, độ trong và màu sắc dung dịch thuốc tiêm	Thuốc thành phẩm Medicines finished products	-	ĐĐVN V PL 9.2; PL 9.3; và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐĐVN V
26	Xác định tỷ lệ vụn nát của dược liệu	Dược liệu	-	ĐĐVN V; PL 12.12; tập 2, và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐĐVN V

STT No.	Tên phép thử Name of test	Nền mẫu Matrix	Phạm vi đo Measure range	Phương pháp thử Methods
27	Xác định hàm lượng tro tổng (tro toàn phần)	Dược liệu; vị thuốc YHCT	-	ĐDVN V; PL 9.8; tập 2, và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐDVN V
28	Xác định hàm lượng tro không tan trong acid	Dược liệu; vị thuốc YHCT Medicinal herbs; Traditional medicine	-	ĐDVN V; PL 9.7; tập 2, và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐDVN V
29	Xác định chỉ số trương nở của dược liệu	Dược liệu	-	ĐDVN V; PL 12.19; tập 2, và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐDVN V
30	Định lượng hoạt chất bằng phương pháp HPLC; UV-VIS	Dược liệu; vị thuốc YHCT	-	ĐDVN V; PL 5.3; PL 4.1; tập 2, và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐDVN V.
31	Định tính dược liệu, chất chiết dược liệu bằng phương pháp TLC	Dược liệu; vị thuốc YHCT	-	ĐDVN V; PL 5.4; tập 2, và TCCS các thuốc đã được Bộ Y tế cấp số đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn ĐDVN V



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG



CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM THANH HÓA
SỞ Y TẾ TỈNH THANH HÓA

Địa chỉ: 575 Quang Trung 2, Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của tiêu chuẩn

ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận: Thử nghiệm Hóa, Thử nghiệm Sinh học, Thử nghiệm Dược
Mã số: VLAT-1.0926

Số: AOSC-1.0926.1
Ngày cấp: 13/02/2023
Giá trị đến: 12/02/2028



GIÁM ĐỐC

PGS.TS NGUYỄN THỊ KHÁNH TRÂM

**VIETNAM UNION OF SCIENCE AND TECHNOLOGY ASSOCIATIONS
ACCREDITATION OFFICE FOR STANDARDS CONFORMITY ASSESSMENT CAPACITY**



ACCREDITATION CERTIFICATE

**THANH HÓA QUALITY CONTROL CENTER
THANH HOA HEALTH DEPARTMENT**

**Address: 575 Quang Trung 2 Street, Dong Ve Ward, Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province
has been assessed and found conforming with the requirements of standard**

ISO/IEC 17025:2017

Fields of Accreditation: Chemical Testing, Biology Testing, Pharmaceutical Testing

Accreditation Code: VLAT-1.0926

No.: AOSC-1.0926.1
Issue date: 13/02/2023
Expiration date: 12/02/2028



DIRECTOR

Assoc. Prof. NGUYEN THI KHANH TRAM